

Số: 1172/TB-KHNN-TTĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025 đợt I

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh trình độ Tiến sĩ năm 2025 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt I năm 2025 như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: tổng số 15 chỉ tiêu cho các chuyên ngành.

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số
1	Bảo vệ thực vật	9620112
2	Công nghệ sinh học	9420201
3	Di truyền và Chọn giống cây trồng	9620111
4	Khoa học cây trồng	9620110
5	Khoa học đất	9620103

2. Thời gian đào tạo và phương thức tuyển sinh:

2.1 Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng). Mỗi nghiên cứu sinh có kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo được phê duyệt, thời gian đào tạo được tính từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt 6 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận.

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Học phí: 16.750.000đ/năm (Áp dụng tại thời điểm xét tuyển); Cơ sở đào tạo không thu phí quản lý đào tạo khác.

4. Điều kiện dự tuyển:

4.1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

4.2. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

4.3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4.4. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Phụ lục I đính kèm*) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Người dự tuyển có ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo đại học, thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ hoặc chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*Phụ lục I đính kèm*) thì phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có khả năng giao tiếp tiếng Anh chuyên môn.

5. Hồ sơ dự tuyển: Nộp 02 bộ, gồm có những mục sau:

- Đơn đăng ký dự tuyển.

- Bản sao công chứng bằng Đại học và bằng điểm Đại học; bằng Thạc sĩ và bằng điểm Thạc sĩ (nếu văn bằng học ở nước ngoài thì phải có chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định.

- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học hoặc thâm niên công tác.

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa.

- Bài luận dự định và đề cương nghiên cứu.

- Công văn giới thiệu cử đi dự tuyển của cơ quan công tác và bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn (nếu có).

- Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên hoặc của Thủ trưởng đơn vị công tác nhận xét đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển (nếu có).

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo.

6. Địa điểm và thời hạn nộp hồ sơ:

6.1. Địa điểm nộp hồ sơ:

6.1.1. Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Địa chỉ: Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại: 024.36490491 và 0904177888; Email: huehuongdtsdh@gmail.com.

6.1.2. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Địa chỉ: Số 121 Nguyễn Bình Khiêm, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.38228371 và 0903766802; Email: hai.truongvinh@yahoo.com.

6.1.3. Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long.

Địa chỉ: xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0710.3862972 và 0939563401; Email: dhoangsonvn@yahooo.

6.2. Thời hạn nộp hồ sơ: trước 10/04/2025

7. Địa điểm và thời gian xét tuyển:

7.1. Địa điểm xét tuyển: tại 3 cơ sở của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

7.1.1. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

7.1.2. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

7.1.3. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

7.2. Thời gian xét tuyển: Dự kiến trong thời gian 20/4/2025 - 30/4/2025. (Lịch xét tuyển của từng tiểu ban chuyên môn sẽ thông báo cụ thể trước 07 ngày).

8. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển và làm thủ tục nhập học: Dự kiến tháng 05/2025

Mọi chi tiết liên hệ: Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Địa chỉ: Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội;

Điện thoại: (024)36490491; 0904177888;

Email: daotao@vaas.vn; Website: <http://www.vaas.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Các đơn vị có nhu cầu đào tạo;
- Website;
- Lưu VT, TTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Thế Anh



PHỤ LỤC 1: BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate	Bậc 4 (B2) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 2: YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI LUẬN, ĐỀ CƯƠNG DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

Bài luận, Đề cương về dự định nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về thí sinh, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...). Đề cương gồm những nội dung chính sau đây:

1. Thông tin chung bài luận:

- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển);
- Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); thâm niên công tác (nếu có) phản ánh sự khác biệt của thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có;
- Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp;
- Đề xuất người hướng dẫn, đơn vị chuyên môn (nếu có).

2. Đề cương nghiên cứu gồm các phần:

- Trang bìa: Thông tin về Cơ sở đào tạo; Tên đề tài dự kiến; Chuyên ngành, mã số; Tên NCS; Người hướng dẫn; Mục lục; Danh mục chữ viết tắt/Danh mục bảng/ Danh mục bảng hình;
- Mở đầu, lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, mục tiêu, dự kiến tính mới của kết quả nghiên cứu, giá trị khoa học, thực tiễn của đề tài;
- Tổng quan tài liệu kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố liên quan đến dự kiến đề tài luận án. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết;
- Vật liệu, Nội dung, và Phương pháp nghiên cứu. Dự kiến đối tượng, phạm vi, địa điểm, thời gian thực hiện từng nội dung.
- Dự kiến kết quả nghiên cứu.
- Danh mục tài liệu tham khảo

Người đăng ký

(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỌC TẬP VÀ THỰC HIỆN TỪNG NỘI DUNG CỦA NGHIÊN CỨU SINH

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ và tên nghiên cứu sinh: Khóa:
 Tên đề tài:
 Chuyên ngành đào tạo: Mã ngành đào tạo:
 Thời gian đào tạo: ... năm (Quyết định công nhận NCS số ../KHNN-TTĐT ngày.. tháng...năm)
 Đơn vị sinh hoạt chuyên môn:
 Người hướng dẫn:
 1..... 2.....
 Kế hoạch học tập, nghiên cứu :

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu (số tín chỉ) Thời gian đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	I. Các học phần bổ sung (nếu có) (ghi cụ thể theo từng môn học) 1..... 2..... 3.....	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV. Tổng khối lượng thực hiện tương đương 10-12 tín chỉ	Có kết quả đánh giá hoặc Chứng nhận kết thúc học phần
	II. Các học phần tiến sĩ về chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu 1. Học phần bắt buộc (cụ thể môn học) 2. Học phần tự chọn (cụ thể môn học)	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV Tổng khối lượng thực hiện tương đương 04 -06 tín chỉ	Có kết quả đánh giá hoặc Chứng nhận kết thúc học phần
	III. Triển khai các nội dung của đề tài luận án: - Nội dung 1..... - Nội dung 2.....	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV	Có kết quả thực nghiệm
Năm thứ 2	I. Thực hiện phần 1 của luận án II. Tổng hợp tư liệu, viết, bảo vệ Chuyên đề, Tiểu luận tổng quan III. Triển khai các nội dung của đề tài luận án: 1. Nội dung 1..... 2. Nội dung 2.....	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV Tổng khối lượng thực hiện tương đương đến 24 tín chỉ	-Hoàn thành: Tổng hợp tư liệu, viết Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu,... - Có kết quả thực nghiệm của từng nội dung nghiên cứu

Năm thứ 3	I. Thực hiện phần 2 của Luận án II. Triển khai các nội dung của đề tài luận án: 1. Nội dung 2. Nội dung	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV Tổng khối lượng thực hiện tương đương đến 30 tín chỉ	- Có kết quả thực nghiệm của từng nội dung nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu của luận án, số bài báo công bố liên quan đến luận án, ...
Năm thứ 4	I. Thực hiện phần 3 của Luận án, Hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. II. Xây dựng bản thảo luận án III. Báo cáo luận án tại Hội đồng đánh giá luận án các cấp. (Ghi rõ dự kiến bảo vệ từng cấp theo thời gian)	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quý I, II, III, IV Tổng khối lượng thực hiện tương đương Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	- Kết quả thực nghiệm của từng nội dung nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu của luận án, số bài báo công bố liên quan đến luận án, ... - Dự thảo luận án thông qua Hội đồng đánh giá các cấp.

100

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
I	ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ		
1	Nghiên cứu chọn tạo giống khoai tây năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu một số bệnh hại chính phục vụ cho công nghiệp chế biến chips ở Việt Nam	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	2021-2025
2	Nghiên cứu chọn tạo giống lạc chịu hạn, kháng bệnh héo xanh cho các tỉnh miền Trung	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	2021-2025
3	Nghiên cứu chọn, tạo và phát triển giống lúa lai ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	2021-2025
4	Nghiên cứu lai tạo và phát triển giống lúa nếp ngắn ngày cho các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	2021-2025
5	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô sinh khối có hàm lượng protein cao phục vụ chăn nuôi gia súc	Viện Nghiên cứu Ngô	2021-2025
6	Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu mới (dòng mía) phục vụ tuyển chọn giống mía mới chịu hạn	Viện Nghiên cứu Mía đường	2021-2025
7	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số giống và nghiên cứu xây dựng biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống dừa Xiêm ở vùng duyên hải Nam Trung bộ	Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ	2021-2025
8	Nghiên cứu lai tạo giống và biện pháp kỹ thuật canh tác cây hành tím, cây tỏi tại vùng Duyên hải Nam Trung bộ	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ	2021-2025
9	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón trong sản xuất lúa hàng hóa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2022-2025
10	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp mô hình toán trong đánh giá và giám sát sử dụng rơm rạ cho sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, góp phần bảo vệ môi trường không khí vùng đồng bằng sông Cửu Long	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2023-2025
11	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu có năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc	Trung tâm Nghiên cứu Đậu tằm tơ Trung Ương	2022-2026
12	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và mã vạch ADN (DNA barcode) của nguồn gen lúa địa phương/ bản địa của Việt Nam	Trung tâm Tài nguyên thực vật	2023-2026
13	Nghiên cứu phát triển một số cây dược liệu ngắn ngày có giá trị bổ sung hiệu quả vào cơ cấu cây trồng ở miền Bắc	Trung tâm Chuyên giao Công nghệ và Khuyến nông	2023-2025
14	Nghiên cứu đánh giá và đề xuất giải pháp phát triển chuỗi sản xuất cây thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi đại gia súc tại các tỉnh phía Bắc	Trung tâm Chuyên giao Công nghệ và Khuyến nông	2023-2025

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
15	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ chịu hạn phù hợp cho các tỉnh miền Trung	Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	2022-2026
16	Đề tài: “Nghiên cứu chọn tạo giống vùng năng suất cao, chất lượng tốt cho vùng Bắc Trung Bộ”	Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	2023-2027
17	Nghiên cứu biện pháp quản lý lúa cỏ tại vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và đồng bằng Sông Cửu Long	Viện Bảo vệ thực vật	2023-2025
18	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa nếp thơm ngắn ngày cho các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và cây thực phẩm	2021-2025
19	Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua quả nhỏ phục vụ ăn tươi thích hợp cho các vùng sản xuất rau chính ở Việt Nam	Viện Cây lương thực và cây thực phẩm	2021-2025
20	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa chất lượng, ngắn ngày cho các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và cây thực phẩm	2022-2026
21	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen CRISPR/ Cas9 làm tăng số hàng hạt của giống ngô Việt Nam	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
22	Ứng dụng công nghệ sinh học và năng lượng bức xạ trong chọn tạo giống lúa mới năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
23	Chọn tạo và phát triển các dòng/ giống lúa chất lượng tích hợp đa gen kháng bệnh bạc lá, rầy nâu và đạo ôn bằng chỉ thị phân tử (MABC)	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
24	Nghiên cứu chọn tạo giống cà rốt có năng suất cao, chất lượng tốt cho các vùng trồng chính	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam	2021-2025
25	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển bí đao lai (Benincasa hispida (Thumb.) cogn.) năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía nam	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam	2022-2026
26	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa nếp năng suất, chất lượng cao cho vùng đồng bằng sông Cửu Long	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	2023-2027
27	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa chất lượng cao vùng đồng bằng sông Cửu Long	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	2022-2026
28	Nghiên cứu chọn tạo giống chè mới và giải pháp kỹ thuật canh tác phù hợp cho sản xuất hàng hóa tại một số vùng trồng chính	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2022-2026
29	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất chè hữu cơ tại vùng miền núi phía Bắc	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2022-2025

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
30	Nghiên cứu phục tráng và phát triển các giống khoai môn Bảo Yên, khoai sọ Tòa Chùa và khoai sọ Hua Păng Mộc Châu tại vùng núi phía Bắc	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2023-2026
31	Nghiên cứu các giải pháp tổng hợp để phát triển một số cây ăn quả bản địa mặn táo, hồng không hạt Chí Cà tại Hà Giang.	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2023-2026
32	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống bí đỏ lai (Cucurbita moschata Duch.) năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Nam	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2022-2026
33	Nghiên cứu chọn tạo giống lạc có hàm lượng dầu cao làm nguyên liệu chế biến dầu ăn cho vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2022-2026
34	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống và nghiên cứu xây dựng biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống dưa xiêm ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2021-2025
35	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô sinh khối có hàm lượng protein cao phục vụ chăn nuôi gia súc	Viện Nghiên cứu Ngô	2021-2025
36	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô thực phẩm lai (ngô nếp, ngô đường) cho các tỉnh phía Bắc	Viện Nghiên cứu Ngô	2023-2026
37	Nghiên cứu phục tráng, đặc cách giống cây ăn quả tại một số vùng trồng chính	Viện Nghiên cứu Rau quả	2022-2026
38	Nghiên cứu chọn tạo giống sen làm cảnh và sen lấy hạt phù hợp với các điều kiện trồng trọt khác nhau	Viện Nghiên cứu Rau quả	2022-2026
39	Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê vối có năng suất, chất lượng cao có khả năng thích ứng với điều kiện khô hạn tại Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2023-2027
40	Nghiên cứu chọn tạo giống hồ tiêu năng suất cao, chất lượng tốt cho vùng Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2022-2026
41	Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật canh tác cây hành tím, cây tỏi tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2021-2025
42	Nghiên cứu chọn tạo giống dưa có năng suất cao, chất lượng tốt cho các vùng trồng chính	Viện Cây ăn quả miền Nam	2021-2025
43	Nghiên cứu chọn tạo giống nhãn mới và giải pháp kỹ thuật canh tác phù hợp cho sản xuất nhãn hàng hóa tại một số vùng trồng chính phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Viện Cây ăn quả miền Nam	2022-2026
IV DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM (MỞ MỚI)			
1	Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất giống nho NH01-26 tại Nam Trung Bộ	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ	2023-2025

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
2	Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất giống khoai tây KT10 (10-79) tại các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	2023-2025
3	Hoàn thiện quy trình và phát triển giống bơ Jolio và B3 tại Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2022-2025
4	Phát triển sản xuất giống lúa thuần khu vực miền Trung, Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2023-2026
5	Sản xuất thử nghiệm giống thanh long ruột trắng LD-18 tại các tỉnh phía Nam	Viện Cây ăn quả miền Nam	2022-2025
V	ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG		
1	Đề tài tiềm năng cấp Bộ: “Nghiên cứu, tuyển chọn dòng, giống mía mới có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện khô hạn tại Nam Trung bộ”	Viện Nghiên cứu Mía đường	2023-2025
2	Nghiên cứu tạo vật liệu khởi đầu phục vụ tạo giống đậu tương chất lượng cao cho vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2023-2025
3	Nghiên cứu chọn tạo dòng thuần ngô sinh khối chịu lạnh cho các tỉnh phía Bắc	Viện Nghiên cứu Ngô	2023-2025
4	Đánh giá các dòng ổi lai hữu tính có triển vọng tại một số tỉnh phía Bắc	Viện Nghiên cứu Rau quả	2023-2025
5	Nghiên cứu chọn tạo nguồn vật liệu phục vụ định hướng lai tạo giống đậu có năng suất, chất lượng cao và thích hợp thu hoạch cắt cành cho vùng Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2023-2025
VI	QUỸ GEN QUỐC GIA		
1	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng di truyền và phát triển bền vững nguồn gen sản địa phương Việt Nam	Trung tâm Tài nguyên thực vật	2021-2025

**PHỤ LỤC 5: DANH MỤC CÁC CÁN BỘ KHOA HỌC
CÓ THỂ TIẾP NHẬN NGHIÊN CỨU SINH
(BAO GỒM CẢ HƯỚNG DẪN CHÍNH VÀ HƯỚNG DẪN PHỤ)**

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
1	Nguyễn Hồng Sơn	Giáo sư	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý cây trồng tổng hợp
2	Trịnh Xuân Hoạt	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Công nghệ sinh học trong phòng chống bệnh hại, Chẩn đoán bệnh
3	Đào Thị Hằng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
4	Đặng Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh cây và Bảo vệ thực vật
5	Nguyễn Huy Chung		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Miễn dịch
6	Cao Văn Chí		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
7	Lê Mai Nhất		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
8	Nguyễn Thị Thủy		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng hại cây trồng
9	Phạm Hồng Hiến		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
10	Nguyễn Văn Liêm		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý côn trùng hại cây trồng
11	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
12	Phan Công Kiên		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
13	Mai Văn Hào		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
14	Nguyễn Thị Kim Thoa		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng
15	Trần Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
16	Phạm Văn Toàn	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh, phân bón, môi trường
17	Phạm Xuân Hội	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, CNSH bảo vệ thực vật, CNSH trong chọn giống
18	Nguyễn Hải Anh		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học nông nghiệp
19	Nguyễn Văn Đồng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, tế bào thực vật
20	Hoàng Thị Lệ Hằng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, tế bào thực vật
21	Khuất Hữu Trung	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống phân tử, Công nghệ
22	Lê Hùng Linh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống phân tử, Công nghệ gen
23	Chung Anh Dũng		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chăn nuôi động vật

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
24	Trần Ngọc Thạch		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, chọn giống phân tử
25	Vũ Đăng Toàn		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử
26	Phạm Bích Hiền		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh
27	Lương Hữu Thành		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học, môi trường
28	Phạm Thị Lý Thu		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh lý thực vật, Công nghệ tế bào
29	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, sinh học phân tử
30	Khổng Ngân Giang		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, sinh học phân tử
31	Nguyễn Duy Phương		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Hóa sinh học, Công nghệ enzym protein
32	Hoàng Thị Giang		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ nano, sinh lý và hóa sinh thực vật
33	Nguyễn Thu Hà		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh vật
34	Đào Văn Thông		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh và môi trường
35	Nguyễn Quốc Hùng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ăn quả, Cây công nghiệp
36	Lã Tuấn Nghĩa	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	CNSH trong chọn giống cây trồng, CN gen
37	Trần Thị Trường	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây đậu tương
38	Lưu Minh Cúc	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	CNSH trong chọn giống cây trồng
40	Lê Đức Thảo	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực, Cây thực phẩm
41	Tạ Hồng Lĩnh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lúa
42	Khuất Thị Mai Lương		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực
43	Ngô Thị Hạnh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu
44	Nguyễn Thúy Kiều Tiên		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lúa
45	Hoàng Thị Nga		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Hoa, Cây lương thực và Cây thực phẩm
46	Đặng Ngọc Hạ		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ngô, Cây lấy hạt trên cạn
47	Vương Huy Minh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ngô
48	Dương Kim Thoa		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu
49	Dương Xuân Tú		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
50	Võ Thị Minh Tuyền		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực
51	Trần Thị Oanh Yến		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ăn quả
52	Lê Hùng Phong		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Lúa lai
53	Đồng Thị Kim Cúc		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực và Cây thực phẩm
54	Đào Thế Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Hệ thống nông nghiệp
55	Đặng Văn Đông	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây hoa
56	Nguyễn Văn Toàn	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây nông lâm nghiệp và cây chè
57	Hồ Huy Cường		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
58	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
59	Vũ Việt Hưng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây Công nghiệp, Cây ăn quả
60	Cao Anh Dương		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây mía đường
61	Bùi Quang Đăng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
62	Nguyễn Hữu La		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây công nghiệp
63	Nguyễn Ngọc Quát		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Lạc, đậu đỗ
64	Trương Vĩnh Hải		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
65	Lưu Ngọc Quyên		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Hệ thống nông nghiệp, Cây chè, cây Công nghiệp
66	Phạm Hùng Cương		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen
67	Đào Quang Nghị		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
68	Phan Thanh Hải		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
69	Phạm Văn Dân		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
70	Phạm Văn Linh		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
71	Hoàng Thị Huệ		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
72	Nguyễn Thị Hồng Lam		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây nông lâm nghiệp và cây chè
73	Trình Công Tư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
74	Mai Văn Trịnh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, môi trường đất, dinh dưỡng cây trồng
75	Trần Minh Tiến	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
76	Nguyễn Quang Chon		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
					cây trồng
77	Nguyễn Quang Hải		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
78	Vũ Thúy Nga		Tiến sĩ	Khoa học đất	Công nghệ vi sinh môi trường
79	Bùi Thị Phương Loan		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
80	Hà Mạnh Thắng		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
81	Đào Huy Đức		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
82	Nguyễn Văn Thiết		Tiến sĩ	Khoa học đất	Khoa học môi trường, môi trường đất
83	Ngô Đức Minh		Tiến sĩ	Khoa học đất	Khoa học đất, Quản lý dinh dưỡng tổng hợp và canh tác bền vững, Nông nghiệp hữu cơ
84	Lê Thị Thanh Thùy		Tiến sĩ	Khoa học đất	Vi sinh vật đất
85	Lâm Văn Hà		Tiến sĩ	Khoa học đất	Sinh thái học, khoa học đất

142